

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2019

V/v tranh chấp "xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Khanh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Dũ

Bà Trần Thị Thu Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐ-HPT ngày 18/10/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh T.

*2. Bị đơn:* Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh H vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 10/5/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày: Tôi và anh Bùi Văn H cưới nhau vào năm 1997, do mai mối, không có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào năm 2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi nhau. Lý do là do anh H sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, không lo gia đình,

lấy tiền đi xài phung phí, ngày càng bê tha, bỏ vợ con và hiện tại đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Về con chung: Có hai con chung là Bùi Thanh L, sinh ngày 08/8/1998 và Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 15/8/2001, cả hai con hiện đã thành niên; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn H; Về con chung: Hiện hai con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Ngày 30/9/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Bùi Văn H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị M và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

\* Tại phiên tòa hôm nay:  
Chị M và anh H vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết M, thì chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H. Anh Bùi Văn H hiện đang cư trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn H không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M và bị đơn anh Bùi Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh H không có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 1997, do mai mối, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do chị M xác định là do anh H sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, không lo gia đình, lấy tiền đi xài phung phí, ngày càng bê tha, bỏ vợ con và hiện tại đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy

thực tế thời gian ly thân của chị M và anh H từ năm 2009 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị M và anh H cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M xin được ly hôn đối với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Bùi Văn H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị M và cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh H biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh cũng tiếp tục không có ý kiến, như vậy là anh H biết được việc chị M kiện yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn mặc nhận. Như vậy chứng tỏ anh H đã không còn tình cảm đối với chị M. Tại tờ tự khai cùng ngày 09/9/2019 của anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị H cùng là em ruột của chị M xác định, chị M và anh H thường hay mâu thuẫn cãi vã, anh H không lo cuộc sống cho vợ con và ly thân nhau từ 2009 đến nay không hàn gắn được, anh H đã chung sống với người phụ nữ khác, gia đình M và anh H có quá nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, đề nghị Tòa án cho chị M được ly hôn anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn anh Bùi Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có hai con chung là Bùi Thanh L, sinh ngày 08/8/1998 và Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 15/8/2001. Hiện tại cả hai đều đã thành niên và lao động được. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### Xử:

##### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn với anh Bùi Văn H.

##### **2. Về án phí:**

Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đồng theo

biên lai thu số 19988 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị M thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Chị M và anh H được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS H. Tân Phước;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự:
  - + Lê Thị Tuyết M
  - + Bùi Văn H.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Khanh**

